

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**  
-----

**NGUYỄN CHÍ TRANG**

**HOÀN THIỆN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP  
THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG  
TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC**

**Chuyên ngành : Kinh tế Tài chính Ngân hàng  
Mã số : 62.31.12.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2009**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**Người hướng dẫn khoa học:**

- 1. PGS,TS. Thái Bá Cẩn**
- 2. TS. Lê Xuân Hiếu**

**Phản biện 1: PGS.TS. Vũ Duy Hào - Trường Đại học kinh tế quốc dân**

**Phản biện 2: PGS.TS. Đỗ Văn Thành - Bộ Tài chính**

**Phản biện 3: GS.TS. Nguyễn Đăng Hạc - Trường Đại học xây dựng Hà Nội**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại:

.....  
Vào hồi:      giờ      ngày      tháng      năm 200...

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Tài chính

## **CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU**

1. “Một số nội dung cơ bản phân tích tín dụng nhằm hạn chế rủi ro trong tín dụng đầu tư” (2003), *Hỗ trợ Phát triển*, (số 5), Tr. 25 – 26.
2. “Bàn về Nội dung thẩm định năng lực chủ đầu tư nhằm nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án” (2003), *Hỗ trợ Phát triển*, (số 4), Tr. 28 – 29.
3. “Một số phương pháp thẩm định tài chính trong giai đoạn thực hiện đầu tư dự án” (2004), *Hỗ trợ Phát triển*, (số 2), Tr. 33- 34.
4. “Bàn về lãi suất chiết khấu sử dụng trong thẩm định các dự án an sinh xã hội và công cộng” (2008), *Hỗ trợ Phát triển*, (số 30), Tr. 21 – 23.
5. “Một số nội dung về công tác thẩm định dự án đầu tư tại ngân hàng Phát triển Việt Nam” (2008), *Thuế nhà nước*, (số 46), Tr. 14 – 15.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

- Bất kỳ nền kinh tế nào muốn tăng trưởng và phát triển bền vững đều phải chú trọng, tăng cường đầu tư các dự án. Dự án đầu tư có vai trò quan trọng đặc biệt trong thực hiện hoạt động đầu tư, nhưng sự thành công hay thất bại của hoạt động đầu tư lại phụ thuộc vào quyết định đầu tư.

- Trước khi ra quyết định đầu tư (hay không) bất kỳ dự án nào, người ta đều phải tiến hành thẩm định, thực chất là xem xét, đánh giá mức độ khả thi của dự án: Dự án có chấp nhận được không, và nếu có thì phương án nào là tốt nhất. Để đạt được mục đích đó, việc thẩm định dự án theo các khía cạnh kinh tế, tài chính cần phải thực hiện đầy đủ và có hiệu quả.

- Thời gian qua, hàng ngàn dự án đầu tư đã được vay vốn từ nguồn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, nhiều công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng có hiệu quả, đã góp phần tăng trưởng nền kinh tế và phát triển xã hội. Tuy nhiên, cũng có những dự án hoàn thành đưa vào sản xuất kinh doanh chưa phát huy hiệu quả như mong muốn. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là công tác thẩm định dự án đầu tư còn nhiều tồn tại, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra.

Để góp phần khắc phục tồn tại trên, tác giả chọn đề tài "*Hoàn thiện nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước*" để nghiên cứu.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Phân tích đánh giá thực trạng nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Đề xuất hệ thống các giải pháp hoàn thiện nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước trong thời gian tới.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu về nội dung, phương pháp thẩm định dự án đầu tư, được minh họa qua dự án mẫu được đầu tư từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Thẩm định dự án đầu tư bao hàm nhiều khía cạnh khác nhau, Luận án chỉ tập trung nghiên cứu hai nội dung chính là:

+ Nội dung thẩm định dự án đầu tư: Thẩm định tài chính và kinh tế - xã hội của dự án đầu tư.

+ Phương pháp thẩm định dự án đầu tư: Phương pháp thẩm định tài chính và kinh tế - xã hội của dự án đầu tư.

- Phạm vi nghiên cứu: Dự án đầu tư từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, trên giác độ của người cho vay vốn là Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

#### **4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt nam, Luận án có những kết quả chủ yếu là:

- Hệ thống hoá những cơ sở lý luận về nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư đang được áp dụng ở Việt Nam và nước ngoài.

- Tổng hợp, đánh giá thực trạng nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

### **Chương 1**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC**

### **1.1. KHÁI QUÁT VỀ TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC**

#### **1.1.1. Khái niệm**

Tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước là hình thức tài trợ vốn trung và dài hạn có thu hồi lại cả gốc và lãi của Nhà nước cho các dự án phát triển thuộc lĩnh vực được Nhà nước khuyến khích như các dự án trọng điểm quốc gia, các dự án thuộc các ngành, vùng miền cần ưu đãi đầu tư.

Về hình thức tài trợ có thể theo hai cách là trực tiếp hoặc gián tiếp. Trong trường hợp tài trợ trực tiếp, tổ chức cho vay (thông thường là Ngân hàng Phát triển) sẽ trực tiếp thẩm định và cấp tín dụng cho các dự

án; Trường hợp tài trợ gián tiếp, tổ chức này sẽ cấp tín dụng hoặc uỷ thác cho một tổ chức thứ ba, thông thường là các ngân hàng thương mại và tổ chức này trực tiếp thực hiện việc thẩm định và cấp tín dụng cho các dự án với các điều kiện theo yêu cầu của ngân hàng làm nhiệm vụ tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

### **1.1.2. Các hình thức tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước**

Tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước bao gồm các hình thức: Cho vay đầu tư, Bảo lãnh tín dụng đầu tư và Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

- **Cho vay đầu tư:** Là việc tổ chức thực hiện tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cho các chủ đầu tư vay vốn để thực hiện đầu tư dự án. Do đặc điểm của đầu tư phát triển, thời hạn cho vay thường dài và số vốn cho vay lớn nên việc trả nợ của dự án thực hiện trong nhiều kỳ và kéo dài trong nhiều năm. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thường chiếm tỷ lệ cao trong tổng các nguồn vốn tham gia đầu tư nhưng không phải là đáp ứng toàn bộ nhu cầu vốn đầu tư, các chủ đầu tư phải huy động thêm từ các nguồn vốn khác để đầu tư dự án.

- **Bảo lãnh tín dụng đầu tư:** Là việc tổ chức thực hiện tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cam kết với tổ chức cho vay vốn về việc trả nợ đầy đủ, đúng hạn của bên đi vay. Trong trường hợp bên đi vay không trả được nợ hoặc trả không đủ nợ khi đến hạn, tổ chức bảo lãnh sẽ trả nợ thay cho bên đi vay theo các điều khoản trong hợp đồng bảo lãnh hoặc thư bảo lãnh đã ký.

- **Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư:** Là việc tổ chức thực hiện tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hỗ trợ một phần lãi suất cho chủ đầu tư vay vốn của các tổ chức tín dụng để đầu tư dự án, sau khi dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và trả được nợ vay. Đây là hình thức trợ cấp bằng tiền cho các doanh nghiệp, không có ràng buộc về trách nhiệm giữa doanh nghiệp và tổ chức thực hiện tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Nguồn vốn thực hiện cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được Ngân sách Nhà nước cấp.

### **1.1.3. Đặc điểm của hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước**

Hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước có một số khác biệt so với hoạt động tín dụng khác, đó là:

- Chỉ tập trung vào các dự án phát triển được Nhà nước khuyến khích trong khi các hoạt động tín dụng của các tổ chức khác có thể đáp ứng cho mọi loại đối tượng khách hàng, mọi dự án thuộc mọi ngành nghề,

lĩnh vực.

- Thực hiện theo nguyên tắc không cạnh tranh với hoạt động của các ngân hàng thương mại, đảm bảo sự đối xử bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, phù hợp với nguyên tắc thị trường và các thông lệ quốc tế.

- Không vì mục đích lợi nhuận, lãi suất cho vay thường thấp hơn lãi suất thị trường.

- Một chủ thể trong quan hệ tín dụng này luôn là Nhà nước (tổ chức được Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện) còn trong quan hệ vay mượn của các hình thức tín dụng khác thì không nhất thiết phải có chủ thể là Nhà nước.

- Được sử dụng như một công cụ để điều tiết vĩ mô nền kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư phát triển.

- Tập trung vào tài trợ cho đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kinh tế - xã hội, cụ thể là nhằm tăng cường đầu tư các tài sản cố định để phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế.

- Được Chính phủ hỗ trợ mạnh mẽ về nguồn vốn thông qua việc cấp vốn trực tiếp hoặc hỗ trợ trong huy động vốn.

- Có quy mô vốn lớn, thời hạn dài, thậm chí có thể dài tới vài chục năm như các dự án đầu tư trong lĩnh vực trồng rừng, cơ sở hạ tầng.

## **1.2. DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

### **1.2.1. Khái niệm**

Theo Ngân hàng Thế giới: Dự án đầu tư là tổng thể các chính sách, hoạt động và chi phí liên quan với nhau được hoạch định nhằm đạt được những mục tiêu nào đó trong một thời gian nhất định.

Thực tế, khái niệm dự án đầu tư có thể xem xét từ nhiều góc độ khác nhau: hình thức, quản lý, kế hoạch hoá, tài chính... và tùy thuộc vào các đối tượng sử dụng khác nhau, dự án đầu tư cũng sẽ có ý nghĩa khác nhau.

### **1.2.2. Chu kỳ và phân loại**

Chu kỳ của dự án đầu tư là các bước hoặc các giai đoạn mà một dự án đầu tư phải trải qua bắt đầu từ khi dự án mới chỉ là ý đồ đến khi dự án hoàn thành chấm dứt hoạt động. Để thuận lợi cho công tác thẩm định, người ta thường phân chia chu kỳ dự án ra 4 giai đoạn:

- \* Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.
- \* Giai đoạn thực hiện đầu tư.
- \* Giai đoạn kết thúc xây dựng, đưa công trình vào khai thác sử dụng.

\* Giai đoạn vận hành dự án - sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, các công việc trong giai đoạn thực hiện đầu tư và giai đoạn kết thúc đầu tư đưa công trình vào khai thác sử dụng có thể thực hiện theo tuần tự hoặc gối đầu, xen kẽ tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án.

Để tiện cho việc theo dõi và quản lý, dự án đầu tư có thể được phân loại theo các tiêu thức khác nhau:

\* *Theo cơ cấu sản xuất*: Dự án đầu tư theo chiều rộng và dự án đầu tư theo chiều sâu;

\* *Theo lĩnh vực hoạt động trong xã hội của dự án*: Dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật, dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng (kỹ thuật và xã hội);

\* *Theo giai đoạn hoạt động trong quá trình tái sản xuất xã hội*: Dự án đầu tư thương mại và dự án đầu tư sản xuất;

\* *Theo phân cấp quản lý*: Dự án đầu tư chia thành 3 nhóm A, B, C tùy theo tính chất và quy mô của dự án;

\* *Theo nguồn vốn*: Dự án có vốn huy động trong nước và dự án đầu tư có vốn huy động từ nước ngoài;

Ngoài ra, người ta có thể phân loại dự án đầu tư theo nhiều tiêu thức khác như: vùng lãnh thổ, quan hệ sở hữu, quy mô...

### 1.3. THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

#### 1.3.1. Tổng quan về thẩm định dự án đầu tư

Thẩm định dự án đầu tư là một hoạt động trong giai đoạn chuẩn bị dự án, được thực hiện bằng kỹ thuật phân tích dự án đã được thiết lập để ra quyết định đầu tư, thoả mãn các yêu cầu của chủ đầu tư cũng như của cơ quan chủ quản.

\* Thẩm định dự án đầu tư là rất cần thiết và nhằm các mục đích sau:

- Xác định tính khả thi của dự án, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội và hiệu quả tài chính mong muốn.

- Đánh giá các lợi ích và chi phí tài chính, cũng như các lợi ích và chi phí kinh tế, hiệu quả xã hội của dự án một cách hợp lý và khoa học.

- Cung cấp thông tin cho người ra quyết định đầu tư, xác định chế độ ưu tiên đầu tư hợp lý, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển đầu tư, chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật về dự án đầu tư.

\* Quá trình thẩm định một dự án đầu tư thường bao gồm: Thẩm định kỹ thuật của dự án; Thẩm định tài chính của dự án; Thẩm định kinh tế -



xã hội của dự án. Trong Luận án này, tác giả chỉ đề cập đến: Thẩm định tài chính và thẩm định kinh tế - xã hội của dự án; Trong đó nội dung thẩm định kinh tế - xã hội dự án đầu tư chưa được phân tích, đánh giá toàn diện như thẩm định tài chính dự án đầu tư.

### 1.3.2. Thẩm định tài chính dự án đầu tư

Thẩm định tài chính dự án đầu tư là việc xem xét các chỉ tiêu tài chính của dự án do chủ đầu tư lập; Đánh giá hiệu quả tài chính dự án để đi đến kết luận có thể tài trợ hay không tài trợ cho dự án

Nội dung thẩm định tài chính dự án đầu tư

\* *Thẩm định tổng mức đầu tư*: Sự hợp lý về vốn đầu tư đối với mỗi dự án được thể hiện trước hết ở tổng mức đầu tư và cơ cấu vốn đầu tư. Tổng mức đầu tư trong giai đoạn nghiên cứu khả thi của dự án là giới hạn trên về vốn đầu tư.

\* *Thẩm định nguồn tài trợ cho dự án*: Việc thẩm định phải đánh giá được tính khả thi, mức độ bảo đảm, sự hợp lý của từng nguồn vốn trong tổng mức đầu tư; thứ tự thực hiện huy động các nguồn vốn. Trong đó, cần xem xét, đánh giá mức độ sở hữu của chủ dự án đã được thực hiện và đưa vào vận hành trên cơ sở tỷ lệ huy động vốn.

\* *Thẩm định dòng tiền thuần của dự án*: Thẩm định các khoản doanh thu từng năm dự án mang lại và các khoản chi phí phát sinh theo dòng tiền thuần của dự án từ đó có thể xác định lợi nhuận mang lại của dự án.

Các phương pháp thẩm định tài chính dự án đầu tư

\* *Phương pháp Giá trị hiện tại thuần (NPV)*: Là giá trị hiện tại của dòng tiền gia tăng, nó được xác định bằng hiệu số giữa giá trị hiện tại của dòng tiền thu nhập và giá trị hiện tại của dòng chi phí đã được chiết khấu với một tỷ lệ lợi ích mong đợi.

\* *Phương pháp Tỷ suất nội hoàn (IRR)*: Là tỷ lệ chiết khấu làm cho NPV của dự án bằng 0.

\* *Phương pháp Chỉ số doanh lợi (Profitability Index - PI)*: Là một thước đo về khả năng sinh lời của dự án đầu tư có tính đến yếu tố thời gian của tiền tệ; Được tính dựa vào mối quan hệ tỷ số giữa thu nhập ròng hiện tại so với vốn đầu tư ban đầu.

\* *Phương pháp Thời gian hoàn vốn (Payback Period - PP)*: Là độ dài thời gian để thu hồi vốn đầu tư ban đầu hay là độ dài thời gian dự tính cần thiết để các luồng tiền ròng của dự án bù đắp được chi phí của nó.

\* *Các phương pháp phân tích rủi ro dự án*: Phương pháp điều chỉnh tỷ lệ chiết khấu, phương pháp hệ số tin cậy, phương pháp phân tích độ lệch chuẩn, phương pháp phân tích độ nhạy của các chỉ tiêu hiệu quả...

Các nhân tố ảnh hưởng tới nội dung và phương pháp thẩm định tài chính dự án đầu tư: Trong quá trình thẩm định, có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng tới nội dung và phương pháp thẩm định tài chính dự án đầu tư như: Thị trường, thẩm định kỹ thuật, tính chất của dự án, trình độ tổ chức, quản lý và tình hình tài chính của chủ đầu tư, trình độ cán bộ thẩm định, thu thập và xử lý thông tin, các chính sách và quy định của Nhà nước.

### **1.3.3. Thẩm định kinh tế - xã hội dự án đầu tư**

Thẩm định khía cạnh kinh tế - xã hội của dự án đầu tư là việc so sánh, đánh giá một cách có hệ thống giữa những chi phí và các lợi ích của dự án trên quan điểm của toàn bộ nền kinh tế và toàn bộ xã hội.

Thẩm định kinh tế - xã hội của dự án đầu tư bao gồm các nội dung: Đánh giá tác động đến phân phối thu nhập và công bằng xã hội; Tác động đến lao động và việc làm; Tác động đến môi trường sinh thái; Các tác động khác.

Các phương pháp thẩm định kinh tế - xã hội dự án đầu tư:

- Giá trị gia tăng thuần (NVA - Net Value Added)
- Giá trị hiện tại ròng kinh tế ( $NPV_{(E)}$ )
- Tỷ số lợi ích - chi phí kinh tế ( $B/C_{(E)}$ )
- Tiết kiệm và tăng thu ngoại tệ

### **1.3.4. Sự khác nhau giữa thẩm định tài chính dự án và thẩm định kinh tế - xã hội dự án đầu tư**

Trên cơ sở phân tích một số vấn đề lý luận, Luận án đã chỉ ra một số điểm khác nhau:

- Về góc độ và mục tiêu thẩm định: Thẩm định khía cạnh tài chính chỉ đứng trên góc độ của nhà đầu tư còn thẩm định kinh tế - xã hội phải đứng trên góc độ của toàn bộ nền kinh tế và toàn bộ xã hội. Nói cách khác, thẩm định tài chính chỉ mới xem xét hiệu quả của dự án trên khía cạnh vi mô, còn thẩm định kinh tế - xã hội phải xem xét trên khía cạnh vĩ mô. Thẩm định tài chính chỉ xem xét hiệu quả dưới góc độ sử dụng vốn bằng tiền còn thẩm định kinh tế - xã hội sẽ xem xét hiệu quả dưới góc độ sử dụng tài nguyên của đất nước.

- Về kỹ thuật tính toán giữa thẩm định tài chính dự án đầu tư và thẩm định kinh tế - xã hội dự án đầu tư: Thẩm định tài chính phải tiến hành

trước và làm cơ sở cho phân tích kinh tế - xã hội. Khi sử dụng các kết quả của thẩm định tài chính để tiến hành thẩm định kinh tế - xã hội cần phải chú ý một số điểm sau:

*Thứ nhất*, đối với thuế: Với các nhà đầu tư, thuế phải nộp là một khoản chi phí thì đây là một khoản thu nhập đối với ngân sách quốc gia và cũng là khoản thu đối với nền kinh tế. Ngược lại, việc miễn hay giảm thuế cho các nhà đầu tư là một khoản chi phí mà xã hội phải gánh chịu.

*Thứ hai*, đối với tiền lương và tiền công trả cho người lao động: Trong thẩm định tài chính, chúng ta coi tiền công và tiền lương là chi phí thì trong thẩm định kinh tế - xã hội ta phải coi các khoản này là thu nhập.

*Thứ ba*, đối với các khoản vay nợ, khi trả nợ (cả gốc và lãi): Không được tính là một chi phí xã hội hay lợi ích xã hội do đây chỉ là một khoản chuyển giao quyền sử dụng vốn từ người này sang người khác chứ không phải là khoản gia tăng của xã hội. Nhưng trong thẩm định tài chính, chúng ta đã trừ đi khoản nợ này như là một khoản chi phí, vì vậy trong thẩm định kinh tế - xã hội chúng ta phải cộng vào khi tính các chỉ tiêu thẩm định có liên quan.

*Thứ tư*, đối với giá cả các đầu ra và đầu vào: Trong thẩm định tài chính, giá này được lấy theo giá thị trường nhưng trong thực tế và đặc biệt là đối với các nền kinh tế đang phát triển thì giá thị trường không phản ánh đúng giá trị của hàng hóa (cả đầu ra và đầu vào). Bởi vì do tác động của các chính sách bảo hộ mậu dịch, sự độc quyền làm cho giá thị trường bị bóp méo và không phản ánh đúng giá trị thực của hàng hóa. Vì vậy, nếu dùng giá này thì nó sẽ không phản ánh đúng mức lời hay lỗ đúng trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế. Do đó, khi thẩm định kinh tế - xã hội cần phải loại bỏ những méo mó, sai lệch nói trên của giá cả. Một mức giá tham khảo được sử dụng để điều chỉnh lệch lạc đó gọi là “*giá mờ*” (shadow price).

*Thứ năm*, tỷ suất chiết khấu trong thẩm định tài chính: Có thể lấy trực tiếp theo mức chi phí sử dụng vốn huy động trên thị trường. Trong khi, tỷ suất chiết khấu trong thẩm định kinh tế - xã hội là chi phí xã hội thực tế của vốn và có thể phải được điều chỉnh căn cứ vào mức lãi suất trên thị trường vốn quốc tế.

#### **1.4. THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

Ngân hàng Phát triển Việt Nam tiến hành thẩm định dự án đầu tư

theo các nội dung sau:

- Thẩm định sự cần thiết của dự án đầu tư;
- Thẩm định các mục tiêu của dự án đầu tư;
- Thẩm định công nghệ và ảnh hưởng của dự án đến môi trường;
- Thẩm định về hiệu quả tài chính - xã hội của dự án.

Các phương pháp thẩm định mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam áp dụng:

- Phương pháp so sánh;
- Phương pháp phân tích;
- Sử dụng các phương pháp tính toán hiệu quả của dự án.

Mặc dù cùng thực hiện thẩm định dự án đầu tư trước khi xem xét quyết định cho vay nhưng việc thẩm định dự án giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các Ngân hàng thương mại vẫn có những điểm khác nhau về nội dung thẩm định và phương pháp thẩm định:

- Về nội dung thẩm định dự án đầu tư:

+ Nội dung thẩm định đầu tiên và mang tính tiên quyết của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là thẩm định dự án có đúng đối tượng được vay vốn đầu tư phát triển của Nhà nước theo đúng quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ hay không. Nếu dự án không thuộc đối tượng, cán bộ thẩm định đề xuất ý kiến từ chối cho vay ngay, cho dù dự án có hiệu quả, có đầy đủ khả năng trả nợ vốn vay. Đối với các ngân hàng thương mại, thẩm định dự án không cần quan tâm đến nội dung này, chỉ cần dự án phù hợp với chiến lược, mục tiêu cho vay của ngân hàng và đảm bảo hiệu quả kinh tế, hoàn trả nợ vay đúng hạn.

+ Thẩm định hồ sơ vay vốn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam có nhiều nội dung khác biệt so với ngân hàng thương mại như: Dự án phải được lập và thực hiện theo các quy định của Nhà nước về trình tự xây dựng và quản lý đầu tư cho các dự án sử dụng vốn Nhà nước, dự án phải tuân thủ sự giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các quy định về đấu thầu... Các yêu cầu này không đặt ra đối với thẩm định dự án sử dụng vốn vay từ các ngân hàng thương mại.

+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam và ngân hàng thương mại đều có nội dung thẩm định năng lực chủ đầu tư, tuy nhiên, do điều kiện tín dụng khác nhau về tài sản thế chấp, hệ thống thông tin xếp hạng tín dụng nội bộ chủ đầu tư, quản lý dòng tiền qua khâu thanh toán... cho nên thẩm định năng lực chủ đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam đòi hỏi cao hơn và thực hiện khó khăn hơn các ngân hàng thương mại.

- Về phương pháp thẩm định dự án đầu tư:

+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam và ngân hàng thương mại đều

sử dụng một số phương pháp thông thường để thẩm định hiệu quả tài chính của dự án như Phương pháp giá trị hiện tại ròng (NPV), Phương pháp tỷ suất nội hoàn (IRR), Phương pháp thời gian hoàn vốn đầu tư (PP). Tuy nhiên, thứ tự ưu tiên của từng phương pháp có khác nhau, đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam chú trọng nhiều hơn Phương pháp giá trị hiện tại ròng (NPV) do đặc điểm Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, mục tiêu số một là khả năng sinh lời của dự án để góp phần phát triển các vùng miền khó khăn, các ngành, nghề kinh tế quan trọng của đất nước. Các ngân hàng thương mại thường chú trọng hơn về Phương pháp thời gian hoàn vốn đầu tư (PP) để đạt mục tiêu lợi nhuận tối đa của ngân hàng.

+ Trong quá trình áp dụng các phương pháp thẩm định dự án đầu tư, cách thức xác định tỷ lệ chiết khấu là rất quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thẩm định dự án. Trong thời gian qua, Ngân hàng Phát triển Việt Nam thường sử dụng lãi suất kiểm tra (do Ngân hàng Phát triển Việt Nam quy định) làm tỷ lệ chiết khấu để tính các chỉ tiêu NPV, IRR... tỷ lệ chiết khấu này thường nhỏ hơn lãi suất của các ngân hàng thương mại nhưng cao hơn lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Tỷ lệ chiết khấu của các ngân hàng thương mại sử dụng là lãi suất cho vay để tính toán hiệu quả dự án.

+ So với ngân hàng thương mại, Ngân hàng Phát triển Việt Nam quan tâm hơn về thẩm định kinh tế - xã hội của dự án. Vì mục tiêu quan trọng của các dự án được vay ưu đãi là góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng như cả nước, thông thường các dự án này khả năng sinh lời thấp, khó tiếp cận được các nguồn vốn thương mại trên thị trường.

Ngoài các vấn đề nêu trên, vẫn còn những điểm khác nhau giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các ngân hàng thương mại về tổ chức công tác thẩm định dự án, mức độ áp dụng công nghệ thông tin vào khâu tính toán khi thẩm định dự án đầu tư.

**Tóm lại:** Một số nội dung quan trọng về hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước đã được đề cập và qua việc phân tích một cách khái quát cơ sở lý luận về dự án đầu tư bao gồm các nội dung chủ yếu và ý nghĩa của dự án đầu tư, từ đó làm cơ sở cho việc xem xét các vấn đề về thẩm định dự án đầu tư. Tại Chương này, tác giả cũng giới thiệu khái quát về công tác thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và một số khác biệt cơ bản trong thẩm định dự án đầu tư so với các ngân hàng thương mại, nhằm đưa ra những vấn đề về thẩm

định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước sẽ được tiếp tục làm sáng tỏ tại Chương 2, 3 của Luận án. Nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước là các vấn đề rất rộng và phức tạp. Các nội dung này sẽ được chứng minh một phần qua thực tế hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong thời gian qua.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

#### **2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

##### **2.1.1 Ngân hàng Phát triển nói chung**

Ngân hàng Phát triển là tổ chức tín dụng nhà nước mà hoạt động chủ yếu là tài trợ vốn trung và dài hạn cho các dự án phát triển hướng tới lợi ích kinh tế - xã hội theo định hướng từng thời kỳ của Nhà nước; Ngân hàng Phát triển có ba vai trò chính:

- Huy động và tập trung các nguồn vốn trung và dài hạn để đầu tư có trọng điểm, có ưu đãi cho các dự án phát triển;
- Khuyến khích và duy trì có hiệu quả kinh tế của các dự án;
- Hỗ trợ các doanh nghiệp, các vùng miền thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thay đổi cơ cấu ngành nghề theo hướng phát triển bền vững.

##### **2.1.2. Sự ra đời và phát triển của Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

\* Quá trình hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển (từ tháng 01/2000 đến hết tháng 6/2006)

\* Ngân hàng Phát triển Việt Nam (từ tháng 07/2006 đến nay)

- Đặc điểm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam
- Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Phát triển Việt Nam
- Hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam
- + Tín dụng đầu tư phát triển: Là hoạt động cơ bản nhất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam nhằm tài trợ các dự án thuộc đối tượng ưu đãi của Chính phủ. Tùy theo từng dự án và yêu cầu về vốn, Ngân hàng Phát triển Việt Nam có thể cho vay trung hạn hay dài hạn, trong đó chủ yếu là cho vay dài hạn.

+ **Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư:** Là hình thức hỗ trợ tài chính của Nhà nước, theo đó Nhà nước sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho các dự án đã đầu tư, đi vào hoạt động và hoàn trả được nợ vay. Đây cũng chính là biện pháp nhằm tạo điều kiện mở rộng tín dụng trung, dài hạn của các ngân hàng thương mại, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các chủ dự án.

+ **Bảo lãnh tín dụng đầu tư:** là cam kết với tổ chức tín dụng cho vay vốn về việc trả nợ đầy đủ, đúng hạn của bên đi vay. Trong trường hợp bên đi vay không trả được nợ hoặc trả không đủ nợ khi đến hạn, Ngân hàng Phát triển Việt Nam sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bên đi vay.

+ **Cho vay hỗ trợ ngắn hạn xuất khẩu:** đối tượng cho vay là các đơn vị sản xuất, chế biến, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế trực tiếp xuất khẩu và Nhà nhập khẩu hàng hoá từ Việt Nam các mặt hàng thuộc chương trình khuyến khích xuất khẩu của Nhà nước.

+ **Huy động vốn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam :** Ngoài vốn điều lệ được cấp, Ngân hàng Phát triển Việt Nam được phát hành trái phiếu Chính phủ và huy động vốn từ các Quỹ như: Quỹ Tích lũy trả nợ nước ngoài, Quỹ Tiết kiệm bưu điện và nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Tiếp nhận các nguồn vốn của các tổ chức kinh tế để đầu tư theo kế hoạch Nhà nước (bao gồm vốn khấu hao cơ bản và các Quỹ đầu tư); Các khoản vốn huy động khác theo quy định. Trong đó, vốn từ phát hành trái phiếu Chính phủ là một trong những nguồn vốn cơ bản nhất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

## **2.2. THỰC TRẠNG NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

### **2.2.1. Quy định về thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

*“Thẩm định dự án đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là việc Ngân hàng thực hiện các hoạt động nghiệp vụ nhằm nhận xét, đánh giá về các vấn đề liên quan đến phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay của dự án để quyết định cho vay”.*

- Hồ sơ thẩm định dự án.

- Nội dung thẩm định:

+ *Thẩm định phương án tài chính:* Để có cơ sở đảm bảo tính hiệu quả của dự án đầu tư, Ngân hàng Phát triển Việt Nam yêu cầu cán bộ

thẩm định tiến hành xem xét các nội dung của phương án tài chính: Tổng mức đầu tư của dự án; Cơ cấu vốn nội tệ và ngoại tệ; Nguồn vốn đầu tư; Tính toán chi phí sản xuất; Tính toán doanh thu; Xác định lợi nhuận hàng năm của dự án.

+ *Thẩm định phương án trả nợ vốn vay*: Kiểm tra các điều kiện trả nợ vốn vay; Kiểm tra tài sản đảm bảo nợ vay và tài sản bảo đảm cho bảo lãnh tiền vay theo quy định.

- Phương pháp thẩm định tài chính dự án: Các phương pháp tính toán hiệu quả tài chính của dự án mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam đang áp dụng: Phương pháp giá trị hiện tại thuần - NPV; Phương pháp tỷ suất nội hoàn - IRR; Phương pháp thời gian thu hồi vốn - T.

- Phương pháp tính hiệu quả kinh tế xã hội của dự án: Ngân hàng Phát triển Việt Nam không sử dụng các công thức để tính toán các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế xã hội của dự án, chỉ đề cập qua phương pháp đánh giá, phân tích các nội dung hiệu quả về số lao động tăng thêm, số ngoại tệ và khả năng đóng góp của dự án cho ngân sách.

**2.2.2. Thực trạng công tác thẩm định dự án trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước:** Trong phần này, Luận án đề cập thực trạng công tác thẩm định dự án của Ngân hàng Phát triển Việt Nam thông qua minh họa một dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cụ thể: thẩm định dự án xây dựng Nhà máy Xi măng Thanh Sơn Thanh Hoá từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

- Tên dự án: Xây dựng Nhà máy xi măng Thanh Sơn
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Xi măng Thanh Sơn
- Địa điểm xây dựng: Tỉnh Thanh Hoá
- Thời gian xây dựng: Năm 2008 - 2009
- Hình thức đầu tư: Chủ đầu tư thực hiện dự án
- Quy mô, công suất: 2.500 tấn clinker/ngày = 775.000 tấn clinker/năm
- Sản phẩm của dự án: 956.790 tấn xi măng/năm
- Tổng mức đầu tư: 1.493.603,392 triệu đồng
  - + *Vốn cố định*: 1.435.603,392 triệu đồng
  - + *Vốn lưu động*: 58.000,000 triệu đồng
- Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư xây dựng Nhà máy Xi măng Thanh Sơn
- Thời hạn vay: 12 năm, trong đó thời gian ân hạn: 02 năm
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành sau đầu tư.



### 2.2.3. Đánh giá thực trạng nội dung và phương pháp thẩm định dự án tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam

#### *Kết quả đạt được*

- Các chỉ tiêu sử dụng trong quá trình thẩm định dự án rất cụ thể theo 3 phương pháp: Phương pháp Giá trị hiện tại ròng (NPV), Phương pháp Tỷ lệ nội hoàn (IRR), Phương pháp Thời gian hoàn vốn (T). Hơn nữa, các phương pháp thẩm định dự án Ngân hàng Phát triển Việt Nam sử dụng hiện nay cũng có phần giống như phương pháp xác định chỉ tiêu hiệu quả tài chính dự án đầu tư của một số nước trên thế giới.

- Quá trình thẩm định còn được tiếp tục tiến hành trong giai đoạn thực hiện đầu tư. Nếu phát hiện chủ đầu tư cung cấp thông tin liên quan đến dự án không đúng sự thật, có biểu hiện vi phạm hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Phát triển Việt Nam có quyền chấm dứt việc cho vay vốn và thực hiện thu hồi nợ trước hạn.

- Kết quả hoạt động trong thời gian qua của Ngân hàng Phát triển Việt Nam có sự góp phần không nhỏ của công tác thẩm định dự án đầu tư. Mặt khác công tác thẩm định dự án đã xây dựng và đào tạo nhiều cán bộ thẩm định toàn hệ thống Ngân hàng có chuyên môn giỏi, có đạo đức nghề nghiệp tốt đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

#### *Hạn chế*

- Chưa có Quy chế riêng quy định về thẩm định dự án đầu tư: Vì chung trong một quy chế nghiệp vụ cho nên các nội dung về công tác thẩm định dự án được trình bày, hướng dẫn không đầy đủ không rõ ràng. Mặt khác, dễ dàng mang lại sự hiểu lầm về tầm quan trọng của thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động của Ngân hàng.

- Nội dung và phương pháp thẩm định tài chính dự án chưa toàn diện và thiếu tính hệ thống: Một số nội dung thẩm định tài chính dự án chưa được làm sáng tỏ như đánh giá năng lực và tình hình tài chính của chủ đầu tư ảnh hưởng đến phương án tài chính của dự án. Cán bộ thẩm định chưa đánh giá được mức độ ổn định của dự án trước những biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào, yếu tố lạm phát, giá bán sản phẩm, số lượng sản phẩm, chính sách của Chính phủ...tức là chưa áp dụng các phương pháp phân tích rủi ro của dự án. Theo các phương pháp thẩm định tài chính hiện nay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam mới chỉ phân tích, đánh giá dự án đầu tư ở trạng thái “*tĩnh*” mà không trong trạng thái “*động*” như sự phát sinh của các dòng tiền tệ theo các diễn biến của các giai đoạn của dự án.

- Hệ thống chỉ tiêu sử dụng trong quá trình thẩm định tài chính dự án chưa đầy đủ và chưa sâu; Trong các nội dung quy định về thẩm định

dự án chưa có các chỉ dẫn sâu về phương pháp phân tích, đánh giá các chỉ tiêu tài chính trong mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau của dự án.

- Ngân hàng chưa có quy định về thẩm định trong và sau quá trình cho vay dự án.

- Chưa áp dụng các phương pháp thẩm định kinh tế - xã hội của dự án và việc phân tích chưa toàn diện và kém hiệu quả: Các kết luận đưa ra khi thẩm định dự án chỉ đơn thuần dựa vào các chỉ tiêu: Tạo thêm việc làm cho người lao động, số tiền nộp tăng cho ngân sách hàng năm đã được đưa ra trong dự án đầu tư và mặc nhiên chấp nhận các dự án đầu tư theo đúng danh mục ưu đãi của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước sửa đổi và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 16/09/2008 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước là bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội. Hiện nay Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa áp dụng các phương pháp cụ thể về thẩm định kinh tế - xã hội dự án đầu tư.

- Tuy đã có quy định về nội dung và các chỉ tiêu, phương pháp thẩm định dự án nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể: Các chỉ tiêu, phương pháp thẩm định được đề cập trong Quy chế cho vay của Ngân hàng khá đơn giản nhưng hiện tại chưa có nội dung hướng dẫn về cách đánh giá, nhận xét trên cơ sở kết quả các chỉ tiêu tính toán, phân tích của cán bộ thẩm định.

- Thẩm định dự án bằng phương pháp thủ công chưa được hỗ trợ bằng phần mềm tin học.

### ***Nguyên nhân của hạn chế***

- Nhóm nguyên nhân mang tính khách quan: Đối tượng cho vay tín dụng đầu tư phát triển hay thay đổi; Hệ thống thông tin của nền kinh tế còn nhiều yếu kém; Tình hình thị trường luôn biến động ảnh hưởng đến đầu tư dự án và thẩm định dự án đầu tư; Quản lý nhà nước của các bộ ngành hiệu quả chưa cao. Hành lang pháp lý trong hoạt động tín dụng còn hạn chế; Một số quy định của Nhà nước về tín dụng đầu tư phát triển chưa hợp lý.

- Nhóm nguyên nhân mang tính chủ quan: Đội ngũ cán bộ thẩm định còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng; Hệ thống thu thập và xử lý thông tin chưa đáp ứng tốt yêu cầu của công tác thẩm định; Quy chế thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ chưa hợp lý; Cơ chế phân cấp ủy quyền về thẩm định dự án đầu tư còn nhiều hạn chế.

### **2.3. Kinh nghiệm quốc tế về thẩm định dự án đầu tư**

Để không ngừng nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án

đầu tư tại Việt Nam, việc tham khảo, học tập những kinh nghiệm của các nước kinh tế phát triển khác là hết sức cần thiết; Luận án trình bày cụ thể ba kinh nghiệm liên quan trực tiếp đến nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư:

- Kinh nghiệm về Năm nguyên tắc xác định dòng tiền hoạt động thuần :

+ Dòng tiền cần được đo lường trên cơ sở tăng thêm - Incremental Basis;

+ Dòng tiền phải được tính toán trên cơ sở sau thuế;

+ Tất cả tác động gián tiếp của một dự án phải được xem xét khi đánh giá dòng tiền thuần;

+ Các chi phí thiệt hại không được tính vào dòng tiền của dự án;

+ Giá trị các tài sản sử dụng trong một dự án nên được tính theo các chi phí cơ hội của chúng.

- Kinh nghiệm về Sử dụng các phương pháp thẩm định để kiểm tra sau khi thực hiện dự án;

- Kinh nghiệm về tỷ lệ chiết khấu thẩm định dự án an sinh xã hội và công cộng:

+ Lãi suất tiền vay Chính phủ;

+ Tỷ lệ chi phí cơ hội xã hội;

+ Tỷ lệ ưa thích thời gian xã hội.

**Tóm lại:** Qua việc đánh giá thực trạng công tác thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam, bắt đầu từ những giới thiệu khái quát về hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tiếp đến các quy định hiện hành của Ngân hàng về thẩm định dự án đầu tư và được minh họa bằng một dự án có thật là Dự án xây dựng Nhà máy Xi măng Thanh Sơn, qua kết quả nghiên cứu và tình hình thực tế, tác giả nhận thấy bên cạnh các kết quả đạt được, công tác thẩm định dự án tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam còn một số hạn chế do các nguyên nhân về chủ quan và khách quan đã được nêu trên. Như chúng ta đã biết, thẩm định dự án đầu tư là lĩnh vực phức tạp và phong phú, về lý thuyết cũng như thực tế áp dụng ở Việt Nam còn phải học tập từ các nước phát triển nhiều hơn nữa. Đáp ứng yêu cầu này, tác giả đề cập đến một số kinh nghiệm quốc tế về thẩm định dự án đầu tư. Để góp phần nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam, tác giả sẽ tiếp tục đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thẩm định dự án đầu tư ở Chương

tiếp theo.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

### 3.1. CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

#### 3.1.1. Định hướng và phương châm

Với mô hình là một ngân hàng chính sách, Ngân hàng Phát triển Việt Nam phải phát huy vai trò là công cụ của Chính phủ trong thực hiện chính sách đầu tư phát triển và thúc đẩy xuất khẩu thông qua việc thực hiện các hình thức tín dụng; Tổ chức và hoạt động phù hợp với thông lệ quốc tế và từng bước tự chủ về tài chính.

Phương châm chiến lược của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là: *An toàn hiệu quả - Hội nhập quốc tế - Phát triển bền vững.*

#### 3.1.2. Mục tiêu chiến lược đến năm 2015, định hướng đến năm 2020

Ngân hàng Phát triển Việt Nam là một ngân hàng chuyên nghiệp của Chính phủ trong lĩnh vực đầu tư phát triển và xuất khẩu; Bộ máy tinh gọn và hiệu quả; Năng lực quản lý tiên tiến trên nền tảng công nghệ hiện đại; Tình hình tài chính lành mạnh, công khai minh bạch; Hướng tới thị trường và hội nhập quốc tế.

Một số chỉ tiêu cụ thể phấn đấu là:

+ Tổng số vốn cung ứng cho nền kinh tế giai đoạn 2006 - 2015: 370.000 tỷ đồng, tăng trưởng 50% so với giai đoạn 2001 - 2005.

+ Tổng số huy động vốn trong nước (chưa tính số thu nợ) giai đoạn 2006 - 2010: 322.500 tỷ đồng, trong đó:

+ Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ đến năm 2015: dưới 5%.

Tỷ lệ an toàn vốn đến năm 2015: đạt yêu cầu theo chuẩn mức quốc tế (không dưới 8%).

#### 3.1.3. Giải pháp chiến lược giai đoạn 2006 - 2015

- Đẩy mạnh huy động vốn;
- Xây dựng hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro tín dụng;

- Quản lý tài chính và kế toán, thanh toán;
- Xây dựng và thực hiện Đề án tái cơ cấu nợ;
- Đẩy mạnh hoạt động cho vay lại vốn ODA và thu hút vốn uỷ thác;
- Từng bước triển khai các nghiệp vụ mới trong hỗ trợ xuất khẩu;
- Mở rộng quan hệ quốc tế và tranh thủ sự hỗ trợ từ bên ngoài;
- Hiện đại hoá trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin;
- Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

### **3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

#### **3.2.1. Năm quan điểm về việc hoàn thiện nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư**

*Thứ nhất:* Nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư phải mang tính đặc thù của tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

*Thứ hai:* Các giải pháp hoàn thiện cần xem xét về tính khoa học và tính khả thi khi áp dụng.

*Thứ ba:* Việc hoàn thiện thẩm định dự án đầu tư cần chú ý tới tính tiên tiến của phương pháp thẩm định và điều kiện tin học hoá.

*Thứ tư:* Nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư phải đáp ứng theo lộ trình phát triển của Ngân hàng Phát triển Việt Nam phản ánh trong chiến lược hoạt động được Chính phủ phê duyệt.

*Thứ năm:* Các quy định về phân cấp, uỷ quyền cần rõ ràng về quyền hạn và trách nhiệm giữa Hội sở chính bao gồm các Ban nghiệp vụ và các Chi nhánh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

#### **3.2.2. Các giải pháp hoàn thiện công tác thẩm định dự án đầu tư**

**3.2.2.1. Xây dựng Quy chế thẩm định dự án đầu tư mới:** Trên cơ sở các nội dung thẩm định đang được quy định trong Quy chế tín dụng đầu tư Ngân hàng Phát triển Việt Nam đang áp dụng; Luận án đưa ra các ý kiến về Quy chế thẩm định mới như sau:

*Một là,* cần thay đổi tên gọi và bố cục của Quy chế thẩm định;

*Hai là,* tổ chức công tác thẩm định hợp lý giữa Hội sở chính và chi nhánh;

*Ba là,* quy định rõ hơn về thẩm định năng lực Chủ đầu tư và tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị vay vốn;

*Bốn là,* cần có nội dung về kiểm tra tại hiện trường của dự án trước khi quyết định cho vay và thẩm định lại hiệu quả dự án đầu tư sau khi dự án đã hoàn thành, đi vào hoạt động;

*Năm là,* các phương pháp thẩm định cần hướng dẫn đơn giản và rõ

ràng hơn;

*Sáu là, xây dựng quy trình, tiêu chuẩn thẩm định thích hợp cho các loại dự án khác nhau.*

Các nội dung đề xuất nêu trên có tính bao quát chung cho cả quá trình hoàn thiện thẩm định dự án đầu tư. Tuy nhiên, các dự án ở các lĩnh vực khác nhau sẽ có sự khác biệt đáng kể trên nhiều phương diện như công nghệ áp dụng, sản phẩm, thị trường đầu vào, đầu ra, mức độ hiệu quả và rủi ro...theo đó các đặc trưng về tài chính cũng khác nhau. Do vậy trong Quy chế về thẩm định dự án đầu tư mới của NHPT Việt Nam cần quy định cụ thể về trình tự, nội dung và tiêu chuẩn thẩm định phù hợp với các dự án ở các lĩnh vực khác nhau. Ví dụ thẩm định dự án đầu tư về giáo dục xây dựng trường học khác với dự án xây dựng nhà máy công nghiệp hoặc bệnh viện. Từ việc quy định thẩm định riêng cho từng loại dự án, NHPT Việt Nam cần xây dựng, lưu giữ các hồ sơ, tài liệu thông tin theo chuyên ngành. Về cán bộ thẩm định dự án cũng có hướng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ theo hướng chuyên ngành để đảm bảo có đủ năng lực thẩm định dự án đầu tư. Trong một số trường hợp cần thiết, NHPT Việt Nam có thể thuê tư vấn từ bên ngoài thẩm định một số nội dung của dự án để có đủ cơ sở khi xem xét cho vay.

### ***3.2.2.2. Lựa chọn các phương pháp thẩm định tài chính đề nghị áp dụng trong thẩm định dự án đầu tư***

Để nâng cao chất lượng công tác thẩm định, Ngân hàng Phát triển Việt Nam lựa chọn các phương pháp thẩm định tài chính dự án đầu tư như: Phương pháp Giá trị hiện tại thuần (NPV), phương pháp Tỷ lệ nội hoàn (IRR), phương pháp Thời gian hoàn vốn (T) và phương pháp Chỉ số doanh lợi (PI) là phù hợp với điều kiện hiện nay của Việt Nam nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, hiện đại nhất định. Trong nội dung Luận án, tác giả lý giải về sự lựa chọn cũng như một số điểm chú ý về ưu nhược điểm trong quá trình vận dụng.

### ***3.2.2.3. Các phương pháp thẩm định kinh tế - xã hội cần áp dụng***

Với điều kiện thực tế hiện nay, Ngân hàng Phát triển Việt Nam trước mắt, nên áp dụng 6 phương pháp thẩm định hiệu quả kinh tế - xã hội dự án đầu tư: Giá trị gia tăng thuần (NVA - Net Value Added); Giá trị hiện tại ròng kinh tế (NPV<sub>(E)</sub>); Tiết kiệm và tăng thu ngoại tệ; Tác động đến khả năng cạnh tranh quốc tế (International Competitiveness - IC); Tính toán chỉ tiêu việc làm cho người lao động; Chỉ tiêu đóng góp cho ngân sách.

#### ***3.2.2.4. Áp dụng phương pháp và xác định lãi suất chiết khấu thích hợp***

Phân tích tỷ lệ chiết khấu dự án: Luận án trình bày và phân tích ba cách xác định tỷ lệ chiết khấu hay mức lãi suất kiểm tra khi thẩm định tài chính dự án: Mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam từng thời điểm; Lãi suất huy động vốn cộng thêm 1,4%/năm chi phí quản lý; Lãi suất trái phiếu Chính phủ (trái phiếu Kho bạc) cộng thêm tỷ lệ rủi ro nhất định. Tuy nhiên, cả ba phương pháp trên đều có sự bất hợp lý, từ đó tác giả đề xuất tỷ lệ chiết khấu dự án tính theo phương pháp lãi suất bình quân các nguồn vốn tham gia dự án.

#### ***3.2.2.5. Phân tích độ nhạy dự án***

Mục đích của phân tích độ nhạy của dự án là kiểm tra mức độ nhạy cảm của dự án đối với sự biến động của từng yếu tố trong tương lai hay nhằm xác định mức độ các rủi ro và chiều hướng tác động của các yếu tố đó đến hiệu quả của dự án. Việc phân tích này rất có ý nghĩa đối với xác định tính khả thi của dự án bởi vì dự án có vòng đời dài và tất yếu chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bất định.

Bên cạnh những ưu điểm, phương pháp phân tích độ nhạy của dự án có một số nhược điểm cần lưu ý trong quá trình áp dụng.

#### ***3.2.2.6. Phương pháp hệ số tin cậy và phân tích độ lệch chuẩn***

Để có cơ sở cho Ngân hàng lựa chọn bổ sung phương pháp thẩm định dự án đầu tư, tác giả đã phân tích rõ hơn về ưu nhược điểm của hai phương pháp này.

#### ***3.2.2.7. Xây dựng hệ thống thông tin cần thiết phục vụ cho công tác thẩm định dự án***

Hệ thống thông tin của Ngân hàng Phát triển Việt Nam cần tiến hành đồng bộ từ khâu thu thập các nguồn thông tin đến các khâu tiếp theo như phân loại xử lý thông tin, đánh giá và sử dụng thông tin. Hướng giải quyết mang tính khả thi là sớm tổ chức thành lập bộ phận thông tin trong toàn hệ thống trên cơ sở phân mềm tin học để thực hiện mục tiêu đề ra.

#### ***3.2.2.8. Tăng cường công tác tổ chức và đào tạo cán bộ***

Công tác đào tạo cán bộ nghiệp vụ thẩm định dự án cần được tiến hành thường xuyên bao gồm các chương trình đào tạo và đào tạo lại; Không ngừng nâng cao trách nhiệm, quyền lợi và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ thẩm định dự án.

### 3.3. KIẾN NGHỊ

Các giải pháp nêu trên về hoàn thiện nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam có điều kiện thuận lợi để thực hiện trên cơ sở các kiến nghị sau:

#### 3.3.1. Đối với Chính phủ

- Với tình hình mới có nhiều thay đổi của quá trình phát triển nền kinh tế quốc gia nói chung và chính sách về quản lý đầu tư và xây dựng nói riêng dẫn đến yêu cầu cần kiến nghị với Nhà nước, Quốc hội xây dựng “*Luật Đầu tư xây dựng cơ bản*” và “*Luật Tín dụng đầu tư phát triển*” là rất cần thiết và cũng hoàn toàn phù hợp với kinh nghiệm các nước như Nhật Bản, Trung Quốc, Philipine...

- Trước mắt, đề nghị Chính phủ xem xét đề nghị của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về chủ trương hoạt động đa dạng, hướng tới tự chủ về tài chính của Ngân hàng bằng cách bên cạnh cho vay tín dụng đầu tư phát triển theo đúng đối tượng được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển thì căn cứ vào các đối tượng này Ngân hàng cho vay thêm vốn cố định, vốn lưu động theo lãi suất thị trường. Lý do của kiến nghị này nhằm giảm bớt sự bao cấp từ ngân sách cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, giảm nhẹ sức ép về nguồn vốn huy động cho Ngân hàng và thích ứng dần với điều kiện hội nhập khu vực và quốc tế.

#### 3.3.2. Đối với các cơ quan quản lý như Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và các Bộ chủ quản khác

- Cần quan tâm hơn nữa đến hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam thông qua công tác tham mưu với Chính phủ cũng như việc ban hành các văn bản hướng dẫn;

- Về công tác thẩm định các dự án nhóm A, các Chương trình kinh tế của Chính phủ, đề nghị các Bộ, Ngành cần xem xét kỹ lưỡng tính khả thi của dự án và khả năng thu hồi vốn để góp phần nâng cao chất lượng đầu tư dự án;

- Về vốn điều lệ đề nghị Bộ Tài chính xem xét trình Thủ tướng Chính phủ cấp bổ sung cho Ngân hàng đủ 10.000 tỷ đồng để đảm bảo cho Ngân hàng về hệ số an toàn vốn bằng và lớn hơn 8% theo tiêu chuẩn của các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài. Có cơ chế tài chính, cơ chế phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro phù hợp với hoạt động đặc thù của Ngân hàng để tạo thuận lợi cho Ngân hàng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước cho phép Ngân hàng được thực



hiện một số chức năng về kinh doanh ngoại tệ, phát hành trái phiếu ngoại tệ; hỗ trợ Ngân hàng thông qua các chương trình đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật.

### **3.3.3. Đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

Với mục tiêu phát triển lâu dài và ổn định, Ngân hàng cần sớm triển khai toàn diện chiến lược hoạt động phát triển lâu dài đến 2015 và định hướng đến năm 2020. Ngân hàng hoạt động theo định hướng đa dạng hoá, nhưng chủ yếu theo ba chức năng là tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất nhập khẩu và một phần tín dụng thương mại. Để tạo tiền đề cho mục tiêu trên, trước mắt Ngân hàng cần đẩy mạnh các giải pháp nghiệp vụ như công tác huy động vốn trong và ngoài nước, gắn kết giữa huy động và sử dụng, quản lý vốn có hiệu quả cao nhất. Công tác cán bộ, đào tạo cần chú trọng và triển khai thường xuyên để đáp ứng yêu cầu về nâng cao năng lực nghiệp vụ. Ngoài ra các mảng nghiệp vụ khác cũng cần triển khai đồng bộ như hoạt động tài chính kế toán, thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế. Thực hiện chiến lược hiện đại hóa công nghệ thông tin là nền tảng cho tính chuyên nghiệp trong hoạt động của Ngân hàng. Tất cả các giải pháp trên đều nhằm mục đích không ngừng nâng cao chất lượng tín dụng đầu tư, giảm thiểu rủi ro. Muốn vậy, các giải pháp về thẩm định dự án đầu tư cần được chú trọng đặc biệt. Từ đó, Ngân hàng cần có kế hoạch xem xét các đề xuất đã nêu trên nhằm hoàn thiện nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư phát triển của Nhà nước trong thời gian tới.

*Tóm lại*, với hy vọng mang lại cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam một số giải pháp mang tính khả thi về công tác thẩm định Dự án đầu tư, tác giả đã nghiên cứu để lựa chọn 5 quan điểm làm nền tảng, cơ sở cho sự bổ sung, hoàn thiện các giải pháp sau: Xây dựng mới Quy chế thẩm định Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư phát triển của Nhà nước; Áp dụng nội dung và phương pháp thẩm định tài chính Dự án đầu tư mới; Xác định tỷ lệ chiết khấu; Phân tích độ nhạy dự án; Tăng cường công tác tổ chức và đào tạo cán bộ; Xây dựng hệ thống thông tin cần thiết phục vụ cho công tác thẩm định dự án. Các giải pháp này cần tiến hành đồng thời và chủ yếu do sự chủ động thực hiện của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, tuy nhiên sự quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi của Chính phủ, các Bộ, Ngành liên quan là yếu tố quan trọng và không thể thiếu được nhằm một mục đích chung là nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam lên tầm cao mới.

## KẾT LUẬN

Thẩm định dự án đầu tư là khâu hết sức quan trọng trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản. Nội dung và phương pháp thẩm định có ảnh hưởng trực tiếp đến việc phân tích, đánh giá các yếu tố có liên quan đến dự án để làm cơ sở đưa ra kết luận đúng đắn về tính khả thi của dự án. Đặc biệt đối với các dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, chất lượng thẩm định dự án càng giữ vai trò quan trọng, thông qua kết quả thẩm định dự án sẽ giúp cho chủ đầu tư, các nhà tài trợ vốn cũng như cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư sẽ lựa chọn một phương án đầu tư tối ưu nhất, đảm bảo hiệu quả và có đầy đủ khả năng hoàn trả vốn vay.

Trong phạm vi về không gian, thời gian, nguồn số liệu và tri thức của bản thân, Luận án *"Hoàn thiện nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước"*, hy vọng đạt được một số kết quả sau:

1. Hệ thống hoá những cơ sở về lý luận cơ bản về đầu tư, dự án đầu tư và khái quát hoạt động tín dụng đầu tư phát triển ở Việt Nam hiện nay. Phân tích, đánh giá nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư đang được áp dụng. Đề cập một số nội dung quan trọng trong công tác thẩm định dự án đầu tư tại các Ngân hàng phát triển.

2. Đánh giá thực trạng nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước có minh hoạ thông qua thẩm định Dự án xây dựng Nhà máy Xi măng Thanh Sơn từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Từ đó đánh giá kết quả đạt được cần phát huy cũng như các hạn chế và nguyên nhân về chủ quan, khách quan cần có giải pháp hoàn thiện trong công tác thẩm định dự án đầu tư. Để có điều kiện học hỏi từ các bài học kinh nghiệm thẩm định dự án đầu tư tiên tiến hiện nay, tác giả đề cập một số kinh nghiệm về thẩm định dự án đầu tư ở các nước trên thế giới.

3. Để có cơ sở đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, tác giả trình bày chiến lược hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam giai đoạn 2006 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Từ đó đưa ra 5 quan điểm đối với các giải pháp hoàn thiện công tác thẩm định dự án. Các giải pháp như: Lựa chọn tỷ lệ

chiết khấu hợp lý, bổ sung thêm phương pháp thẩm định tài chính dự án đầu tư, phương pháp thẩm định kinh tế - xã hội dự án, cần xem xét phân độ nhạy của dự án, tăng cường công tác đào tạo cán bộ thẩm định dự án, chú trọng hệ thống thông tin. Để có điều kiện thuận lợi thực hiện những giải pháp đã nêu, tác giả đưa ra một số kiến nghị với Chính phủ, các Bộ, Ngành liên quan và Ngân hàng Phát triển Việt Nam là cơ quan thực hiện nhiệm vụ hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Trên đây là nội dung chính mà Luận án đề cập đến do nội dung và tính chất của đề tài khá phức tạp và phong phú cả về lý thuyết cũng như khó khăn về đánh giá và lựa chọn thực tế, do khả năng của tác giả còn hạn chế cho nên mọi vấn đề trong công tác thẩm định dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa được giải quyết triệt để. Tác giả rất mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp quý báu để hoàn thiện Luận án.